

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 829/2025/DS-ST
Ngày: 05/6/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhon

Ông Trần Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trân – Thư ký Toà án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án của Toà án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 2127/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: 18 Láng Hạ, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 2000

Văn bản uỷ quyền số 7281.03/2025/UQN-PUN-RCC ngày 28/3/2025

Địa chỉ: Lầu 3 số B, Phường X, quận G, TPHCM.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Bích M, sinh năm 1971

Địa chỉ: 83B, Phường Y, quận B, TPHCM.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 11/10/2024 và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn Thành tại bản tự khai và các biên bản hòa giải:

Ngân hàng TMCP V (Từ sau đây viết tắt là “Ngân hàng”) và bà Võ Thị Bích M có ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/12/2023 và Giấy đề nghị kiêm phụ lục hợp đồng cho vay ngày 12/12/2023. Căn cứ vào đề nghị của bà M, Ngày 22/12/2023, Ngân hàng đã đồng ý cho bà M vay số tiền là 246.951.872 đồng theo Xác

nhận chấp thuận cho vay của VPBank và đã giải ngân đủ số tiền là 246.951.872 đồng cho bà M bằng hình thức online vào tài khoản cá nhân số 285310903 của bà M tại ngân hàng và bà M đã rút toàn bộ tiền vay ngay sau khi giải ngân, với mục đích phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn vay: 60 tháng (Từ ngày 22/12/2023 đến ngày 15/12/2028), thanh toán gốc định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15/01/2025; thanh toán lãi định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15/01/2024 theo mức lãi suất trong hạn: 26%/năm.

Sau khi được cấp khoản vay, bà M bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ kỳ thanh toán lãi vào ngày 15/03/2024 và cho đến nay vẫn liên tục vi phạm. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà M vẫn không có thiện chí trả nợ. Xét thấy bà M không còn khả năng thanh toán nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn từ kỳ thanh toán ngày 15/3/2024, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn 150% trên toàn bộ dư nợ gốc là 39% và thông báo chấm dứt việc thực hiện đối với hợp đồng vay theo Thông báo khởi kiện và thu hồi nợ trước hạn số 3862/09/2024/TB-VPBank ngày 01/9/2024. Do đó ngân hàng yêu cầu chấm dứt trước thời hạn khoản vay của bà M theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/12/2023 và Giấy đề nghị kiêm phụ lục hợp đồng cho vay ngày 12/12/2023 và yêu cầu bà M thanh toán toàn bộ số nợ phát sinh tạm tính đến ngày 25/12/2024 là: 330.928.465 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 246.951.872 đồng;

+ Nợ lãi: 83.976.593 đồng.

Yêu cầu bà M phải trả ngay một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và bà M có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/12/2024 theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/12/2023 và Giấy đề nghị kiêm phụ lục hợp đồng cho vay ngày 12/12/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ. Án phí do bị đơn chịu.

* Bị đơn, bà Võ Thị Bích M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bà M vắng mặt không có lý do và không gửi đến Tòa án văn bản trình bày ý kiến và bất kỳ tài liệu chứng cứ gì.

Tại phiên tòa,

Đại diện của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền nợ phát sinh từ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/12/2023 và Giấy đề nghị kiêm phụ lục hợp đồng cho vay ngày 12/12/2023 tạm tính đến ngày 05/6/2025 là: 371.369.033 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 246.951.872 đồng; Lãi trong hạn: 4.136.101 đồng, lãi quá hạn: 120.281.060 đồng.

Bà M có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 06/6/2025 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Yêu cầu thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà M phải chịu tiền án phí.

Bị đơn: Vắng mặt và không gửi đến Tòa án văn bản trình bày ý kiến.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn và đại diện nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm c khoản 4 Điều 13 Thông Tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về buộc bị đơn bà Võ Thị Bích M phải trả ngay một lần, toàn bộ số tiền nợ gốc là 246.951.872 đồng và lãi trong hạn: 4.136.101 đồng và lãi quá hạn: tạm tính từ ngày 15/02/2024 đến ngày 05/6/2025 là 124.417.160 đồng cho ngân hàng.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và kết quả xác minh cư trú của Công an Phường 5, quận B, bị đơn có địa chỉ cư trú cuối cùng tại số 83B, Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ phát sinh từ hợp đồng vay không tài sản bảo đảm nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ giấy triệu tập bị đơn để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 14/5/2025 và phiên tòa hôm nay nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, bị đơn không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/12/2023 và Giấy đề nghị kiêm phụ lục hợp đồng cho vay ngày 12/12/2023 là: 246.951.872 đồng:

Xét Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/12/2023 và Giấy đề nghị kiêm phụ lục hợp đồng cho vay ngày 12/12/2023 (Sau đây gọi tắt là “hợp đồng”) được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Căn cứ thu nhập của bị đơn, ngày 22/12/2023, nguyên đơn duyệt hồ sơ và đồng ý cho bị đơn vay số tiền 246.951.872 đồng với mục đích: Mua đồ gia dụng, thời hạn vay: 60 tháng (Từ ngày 22/12/2023 đến ngày 15/12/2028), thanh toán gốc định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu vào ngày 15/01/2025; thanh toán lãi định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15/01/2024 theo mức lãi suất trong hạn: 26%/năm. Nguyên đơn đã giải ngân toàn bộ số tiền vay bằng hình thức online vào tài khoản cá nhân số 285310903 của bà M tại ngân hàng và bà M đã rút toàn bộ tiền vay ngay sau khi giải ngân, đến kỳ thanh toán lãi ngày 15/01/2023 bà M đã thanh toán tiền lãi là 2.989.000 đồng, như vậy bị đơn đã nhận đủ tiền vay và phát sinh giao dịch với nguyên đơn nên đã phát sinh các quyền và nghĩa vụ đã ký thỏa thuận với ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ kể từ kỳ thanh toán ngày 15/3/2023 cho đến nay là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 4 bản Điều khoản, nên căn cứ Điều 7 của bản Điều khoản, nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay của bà M sang nợ quá hạn từ kỳ thanh toán ngày 15/3/2024 và thông báo chấm dứt việc thực hiện hợp đồng vay theo Thông báo khởi kiện và thu hồi nợ trước hạn số 3862/09/2024/TB-VPBank ngày 01/9/2024 là phù hợp thỏa thuận, và yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ nợ gốc 246.951.872 đồng là phù hợp các quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 20, 21 Thông Tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi trong hạn là: 4.136.101 đồng và lãi quá hạn là: 120.281.060 đồng (tạm tính đến ngày 05/6/2025) theo mức lãi suất 39%/năm, tổng cộng: 124.417.161 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về lãi suất: Theo hợp đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 26%/năm áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân là 12/12/2023. Ngày 01/9/2024, nguyên đơn có Thông báo khởi kiện và thu hồi nợ trước hạn số 3862/09/2024/TB-VPBank, và hiện nay áp dụng lãi suất quá hạn là 39%/năm là phù hợp thỏa thuận tại Điểm 2 Điều 3 bản Điều khoản quy định mức lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất trong hạn. Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm c khoản 4 Điều 13 Thông Tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước; Điều 7,8,12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất, lãi suất Ngân hàng áp dụng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi trong hạn: Theo bảng kê tính lãi, tiền lãi trong hạn của bà M là: 9.675.101 đồng, bà M đã thanh toán được 2 kỳ lãi (22/01/2024 và 15/02/2024 với tổng số tiền là: 5.539.000 đồng, còn nợ: 4.136.101 đồng, nên bà M có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi còn nợ.

Về tiền lãi quá hạn: Như đã phân tích ở trên, nguyên đơn đã tính lãi quá hạn kể từ kỳ thanh toán ngày 15/3/2024 với số tiền tạm tính đến ngày 05/6/2025 là:

124.281.067 đồng, bà M đã trả được 4.000.001 đồng, nên bà M có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi còn nợ còn nợ 120.281.060 đồng.

[3.4] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 06/6/2025 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Về thời gian trả nợ: Tạm tính đến ngày 05/6/2025, tổng số tiền bị đơn còn nợ là 371.369.033 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 246.951.872 đồng; Lãi trong hạn: 4.136.101 đồng; Lãi quá hạn: 120.281.060 đồng, việc bị đơn không thanh toán nợ đúng hạn là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ảnh hưởng đến lợi ích chính đáng của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[3.6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: . Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 1 của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước;

- Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014),

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Buộc bị đơn, bà Võ Thị Bích M có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền phát sinh từ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/12/2023 và Giấy đề nghị kiêm phụ lục hợp đồng cho vay ngày 12/12/2023 tạm tính đến ngày 05/6/2025 là 371.369.033 đồng, bao gồm:

- Nợ gốc: 246.951.872 đồng;
- Lãi trong hạn: 4.136.101 đồng;
- Lãi quá hạn: 120.281.060 đồng.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/6/2025), bị đơn còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số dư nợ gốc thực nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/12/2023 và Giấy đề nghị kiêm phụ lục hợp đồng cho vay ngày 12/12/2023 cho đến khi bị đơn thanh toán dứt khoản nợ.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Bích M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.568.452 (Mười tám triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm năm mươi hai) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 7.167.000 (Bảy triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0029351 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Kiều Trang

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT
XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phủ *Nguyễn Thị*
Nhơn

Nguyễn Kiều Trang